ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y – DƯỢC**

Số: 1014/QĐ-ĐHYD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thái Nguyên, ngày 07 tháng 6 năm 2021*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc cấp Chứng chỉ hoàn thành khóa Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y hạng III

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y – DƯỢC

*Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;*

*Căn cứ Quyết định 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BYT ngày 25/10/2018 của Bộ Y tế Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế đối với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu;*

*Căn cứ Quyết định số 1458/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành y tế;*

*Căn cứ đề nghị tại Công văn số 35/ĐTHTQT-TTHTQTVĐTNC ngày 04/6/2021 của Giám đốc Trung tâm Hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu thuộc Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc cấp Chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng CDNN.*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp Chứng chỉ công nhận đã hoàn thành khóa Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y hạng III cho 68 học viên

*(có danh sách kèm theo).*

**Điều 2.** Các đơn vị, cá nhân liên quan và các học viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2;
- Đăng Website;
- Lưu VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC

**PGS.TS.Nguyễn Tiến Dũng**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ**
**HOÀN THÀNH KHÓA BỒI DƯỠNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ THUẬT Y (HẠNG III)**

*(Kèm Quyết định số: 1014/QĐ-ĐHYD ngày 07 tháng 6 năm 2021)*

**Thời gian khóa học:** Từ 06/3/2021 đến 29/4/2021
**Địa điểm tổ chức:** Sở Y tế Cao Bằng

| TT | Họ đệm | Tên | Ngày sinh | Đơn vị công tác | Số hiệu | Số vào sổ | Ký nhận CC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hứa Thị | Đàn | 06/6/1977 | Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng | DTY/01425 | CDNN/2021.1033 | |
| 2 | Bế Thị | Hiệu | 20/8/1984 | Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng | DTY/01426 | CDNN/2021.1034 | |
| 3 | Nông Thị | Huệ | 12/9/1985 | Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng | DTY/01427 | CDNN/2021.1035 | |
| 4 | Hoàng Văn | Lâm | 07/7/1992 | Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng | DTY/01428 | CDNN/2021.1036 | |
| 5 | Triệu Thu | Lan | 30/4/1974 | Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng | DTY/01429 | CDNN/2021.1037 | |
| 6 | Ma Thị | Triệu | 08/9/1989 | Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng | DTY/01430 | CDNN/2021.1038 | |
| 7 | Nông Thị | Thơm | 12/10/1972 | Bệnh viện Đa khoa huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng | DTY/01431 | CDNN/2021.1039 | |
| 8 | Nguyễn Văn | Hải | 17/9/1985 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01432 | CDNN/2021.1040 | |
| 9 | Lý Thị | Hảo | 24/6/1981 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01433 | CDNN/2021.1041 | |
| 10 | Hoàng Thu | Huệ | 19/02/1976 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01434 | CDNN/2021.1042 | |
| 11 | Mông Thị | Hường | 15/7/1987 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01435 | CDNN/2021.1043 | |
| 12 | Nông Quốc | Huy | 29/5/1962 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01436 | CDNN/2021.1044 | |
| 13 | Nông Thị | Khởi | 30/12/1975 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01437 | CDNN/2021.1045 | |
| 14 | Đoàn Thanh | Luân | 06/7/1989 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01438 | CDNN/2021.1046 | |
| 15 | Lý Thị | Luyến | 22/10/1976 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01439 | CDNN/2021.1047 | |

| TT | Họ đệm | Tên | Ngày sinh | Đơn vị công tác | Số hiệu | Số vào sổ | Ký nhận CC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | Nguyễn Đăng | Minh | 30/11/1986 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01440 | CDNN/2021.1048 | |
| 17 | Vương Văn | Nam | 17/9/1992 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01441 | CDNN/2021.1049 | |
| 18 | Hoàng Thị | Phèn | 10/01/1979 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01442 | CDNN/2021.1050 | |
| 19 | Hoàng Ngọc Công | Sơn | 16/02/1993 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01443 | CDNN/2021.1051 | |
| 20 | Triệu Thị | Thuyên | 27/4/1977 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01444 | CDNN/2021.1052 | |
| 21 | Phan Minh | Tuấn | 09/12/1981 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01445 | CDNN/2021.1053 | |
| 22 | Lý Thị | Tuế | 28/12/1981 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01446 | CDNN/2021.1054 | |
| 23 | Nông Thị | Tý | 27/11/1984 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01447 | CDNN/2021.1055 | |
| 24 | Nông Xuân | Út | 12/7/1977 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01448 | CDNN/2021.1056 | |
| 25 | Nguyễn Hải | Lâm | 14/8/1992 | Bệnh viện Tĩnh Túc tỉnh Cao Bằng | DTY/01449 | CDNN/2021.1057 | |
| 26 | Hoàng Nam | Chiến | 18/11/1971 | Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng | DTY/01450 | CDNN/2021.1058 | |
| 27 | Nông Thị | Lan | 11/7/1973 | Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng | DTY/01451 | CDNN/2021.1059 | |
| 28 | Nguyễn Thị | Uyên | 23/4/1975 | Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng | DTY/01452 | CDNN/2021.1060 | |
| 29 | Bùi Trung | Hậu | 28/02/1988 | Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01453 | CDNN/2021.1061 | |
| 30 | Nguyễn Quốc | Hiệp | 30/11/1978 | Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Cao Bằng | DTY/01454 | CDNN/2021.1062 | |
| 31 | Triệu Tuấn | Anh | 30/4/1981 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng | DTY/01455 | CDNN/2021.1063 | |
| 32 | Lê Thị Thanh | Bình | 04/3/1980 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng | DTY/01456 | CDNN/2021.1064 | |
| 33 | Nguyễn Văn | Bường | 18/8/1977 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng | DTY/01457 | CDNN/2021.1065 | |
| 34 | Lưu Thị Thu | Hằng | 10/10/1975 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng | DTY/01458 | CDNN/2021.1066 | |

| TT | Họ đệm | Tên | Ngày sinh | Đơn vị công tác | Số hiệu | Số vào sổ | Ký nhận CC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 35 | Đàm Thị | Hiếu | 15/12/1973 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng | DTY/01459 | CDNN/2021.1067 | |
| 36 | Nông Thuý | Hoà | 09/8/1975 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng | DTY/01460 | CDNN/2021.1068 | |
| 37 | Trương Duy | Khánh | 05/01/1982 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng | DTY/01461 | CDNN/2021.1069 | |
| 38 | Lê Trọng | Khiêm | 12/10/1985 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng | DTY/01462 | CDNN/2021.1070 | |
| 39 | Lý Thị Mai | Linh | 27/10/1984 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng | DTY/01463 | CDNN/2021.1071 | |
| 40 | Đoàn Thị | Quy | 28/10/1975 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng | DTY/01464 | CDNN/2021.1072 | |
| 41 | Nguyễn Thị Ngọc | Xuyến | 02/9/1972 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng | DTY/01465 | CDNN/2021.1073 | |
| 42 | Hoàng Thu | Hương | 02/01/1986 | Trung tâm Pháp y tỉnh Cao Bằng | DTY/01466 | CDNN/2021.1074 | |
| 43 | Hoàng Văn | Hiếu | 12/4/1989 | Trung tâm Y tế huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng | DTY/01467 | CDNN/2021.1075 | |
| 44 | Nông Ngọc | Thức | 27/11/1988 | Trung tâm Y tế huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng | DTY/01468 | CDNN/2021.1076 | |
| 45 | Mã Thu | Hường | 06/3/1989 | Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng | DTY/01469 | CDNN/2021.1077 | |
| 46 | Lưu Sỹ | Quyền | 18/12/1990 | Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng | DTY/01470 | CDNN/2021.1078 | |
| 47 | Lương Thị | Thanh | 10/8/1972 | Trung tâm Y tế huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng | DTY/01471 | CDNN/2021.1079 | |
| 48 | Đinh Thị | Thuần | 26/3/1986 | Trung tâm Y tế huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng | DTY/01472 | CDNN/2021.1080 | |
| 49 | Nông Thị Mỹ | Hạnh | 22/02/1984 | Trung tâm Y tế huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng | DTY/01473 | CDNN/2021.1081 | |
| 50 | Nông Thị | Vân | 25/7/1991 | Trung tâm Y tế huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng | DTY/01474 | CDNN/2021.1082 | |
| 51 | Linh Quang | Vũ | 10/02/1973 | Trung tâm Y tế huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng | DTY/01475 | CDNN/2021.1083 | |
| 52 | Nguyễn Diệu | Hoa | 24/7/1993 | Trung tâm Y tế huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng | DTY/01476 | CDNN/2021.1084 | |
| 53 | Lãnh Thị | Hoài | 14/02/1986 | Trung tâm Y tế huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng | DTY/01477 | CDNN/2021.1085 | |

| TT | Họ đệm | Tên | Ngày sinh | Đơn vị công tác | Số hiệu | Số vào sổ | Ký nhận CC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 54 | Lương Văn | Quynh | 24/11/1981 | Trung tâm Y tế huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng | DTY/01478 | CDNN/2021.1086 | |
| 55 | Phùng Thị | Huệ | 29/9/1983 | Trung tâm Y tế huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng | DTY/01479 | CDNN/2021.1087 | |
| 56 | Lương Thu | Hường | 17/02/1984 | Trung tâm Y tế huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng | DTY/01480 | CDNN/2021.1088 | |
| 57 | Nông Thị | Phước | 17/8/1979 | Trung tâm Y tế huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng | DTY/01481 | CDNN/2021.1089 | |
| 58 | Nguyễn Thị Ngọc | Anh | 12/02/1984 | Trung tâm Y tế huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng | DTY/01482 | CDNN/2021.1090 | |
| 59 | Nông Thị Hải | Băng | 24/9/1972 | Trung tâm Y tế huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng | DTY/01483 | CDNN/2021.1091 | |
| 60 | Triệu Thị | Đào | 08/11/1973 | Trung tâm Y tế huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng | DTY/01484 | CDNN/2021.1092 | |
| 61 | Nguyễn Thị Kim | Dung | 18/9/1983 | Trung tâm Y tế huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng | DTY/01485 | CDNN/2021.1093 | |
| 62 | Đinh Thị | Lan | 20/01/1984 | Trung tâm Y tế huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng | DTY/01486 | CDNN/2021.1094 | |
| 63 | Phạm Thị | Thái | 26/02/1986 | Trung tâm Y tế huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng | DTY/01487 | CDNN/2021.1095 | |
| 64 | Hoàng Thị | Thúy | 17/3/1986 | Trung tâm Y tế huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng | DTY/01488 | CDNN/2021.1096 | |
| 65 | Lô Thị | Huyền | 23/10/1984 | Trung tâm Y tế thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | DTY/01489 | CDNN/2021.1097 | |
| 66 | Dương Kim | Oanh | 07/9/1972 | Trung tâm Y tế thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | DTY/01490 | CDNN/2021.1098 | |
| 67 | Nguyễn Đình | Thành | 03/11/1971 | Trung tâm Y tế thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | DTY/01491 | CDNN/2021.1099 | |
| 68 | Nông Tố | Uyên | 16/12/1987 | Trung tâm Y tế thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | DTY/01492 | CDNN/2021.1100 | |

Ấn định danh sách: 68 học viên.